

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

Bản án số:16/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 04-6-2019

V/v: *Tranh chấp Hôn nhân gia đình*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phùng Thị Thanh Mai.

2. Bà Hoàng Thị Len.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

Ngày 04 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 89/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2018 về “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:18/2019/QĐXX-ST ngày 20/5/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Chu Anh K**, sinh năm 1980.

Nơi ĐKKHKT: số nhà B, đường L, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai; địa chỉ hiện nay: Hyeong - Nam eup - Hwasongsi, Gyeonggi - do, Korea. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 10/4/2019).

- *Bị đơn:* Chị **Đỗ Thị L**, sinh năm 1984.

Nơi cư trú: thôn 2, xã V, thành phố T B, tỉnh Thái Bình. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/8/2018, bản tự khai đề ngày 03/12/2018 và ngày 10/4/2019 có xác nhận của Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc, cùng các tài liệu chứng cứ đã xuất trình, nguyên đơn là anh Chu Anh K trình bày và có yêu cầu khởi kiện như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh K và chị L tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký

kết hôn tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc ngày 26/11/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại Hàn Quốc đến năm 2013 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp tính cách nên thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau. Đến tháng 11/2015, mâu thuẫn trầm trọng, chị L đã về Việt Nam sinh sống, còn anh K tiếp tục ở lại Hàn Quốc làm ăn. Vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Anh K cũng đã nhiều lần gọi điện về Việt Nam nói chuyện với chị Liễu, tìm cách hòa giải, hàn gắn, nhưng không thể hòa giải được. Nay anh K xác định tình cảm vợ chồng không còn, hai bên không thể đoàn tụ tiếp tục chung sống, nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh K được ly hôn chị Liễu.

Về quan hệ con chung : Anh K và chị L có 01 con chung là Chu Anh Kiệt, sinh ngày 03/6/2013. Ly hôn anh K đề nghị giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng và anh K sẽ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con theo sự thỏa thuận với chị L. Anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản : Anh K và chị L không có tài sản chung, không vay nợ chung và cho vay nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do anh K đang sinh sống và lao động tại Hàn Quốc không thể về Việt Nam tham gia tố tụng, đã có đơn đề nghị Tòa án giải quyết , xét xử vắng mặt đề ngày 10/4/2019 có xác nhận của Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc.

- Theo bản tự khai và tại phiên tòa, bị đơn chị Đỗ Thị L trình bày và có quan điểm như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh K tự nguyện kết hôn với nhau , có đăng ký kết hôn tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc ngày 26/11/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng cùng chung sống ở Hàn Quốc, nhưng chỉ được 02 tháng thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về kinh tế và không hợp tính cách, chị L đã dọn ra ngoài sống, đến tháng 6/2013 chị L về Việt Nam sinh con và gửi bố mẹ để nuôi dưỡng rồi tiếp tục sang Hàn Quốc làm ăn. Do anh K có níu kéo và hứa sửa chữa nên chị L lại về cùng chung sống với anh K, nhưng cũng chỉ được thêm 03 tháng nữa. Trong 03 tháng này chị L thấy tình cảm vợ chồng không có gì cải thiện, mâu thuẫn ngày càng căng thẳng nên tháng 11 năm 2015 chị L đã rời Hàn Quốc về Việt Nam sống với con và bố mẹ để ở thôn Tam Lạc 2, xã Vũ Lạc, thành phố Thái Bình. Vợ chồng đã ly thân từ đó đến nay, anh K không quan tâm cũng không có trách nhiệm gì với chị L và con. Mỗi lần anh K gọi điện về vợ chồng đều xảy ra cãi vã. Nay anh K xin ly hôn, chị L cũng xác định vợ chồng không còn tình cảm, nên đồng ý ly hôn.

Về quan hệ con chung: Chị L và anh K có 01 con chung Chu Anh Kiệt, sinh ngày 03/6/2013. Ly hôn, chị L xin được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh K phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản : Chị L nhất trí với trình bày của anh K về việc vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ chung và cho vay nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ thủ tục thụ lý vụ án, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, mở phiên tòa và xét xử tại phiên tòa. Những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đã được tranh tụng và trình bày quan điểm để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh K, xử cho anh K được ly hôn chị L; giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng con chung Chu Anh Kiệt, sinh ngày 03/6/2013, chị L không yêu cầu anh K phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án có tiến hành lập biên bản đối với người được nguyên đơn ủy quyền nộp đơn khởi kiện để yêu cầu nguyên đơn làm đơn ủy quyền về việc nộp tạm ứng án phí và nhận các văn bản tố tụng của Tòa án; nguyên đơn là anh K có bản tự khai trình bày quan điểm và đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt có xác nhận của Đại sư quán Việt Nam tại Hàn Quốc gửi về Tòa án. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phải tham gia phiên tòa sơ thẩm và Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Điều 21 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, quan hệ hôn nhân của anh K và chị L là hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh K và chị L chung sống với nhau được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình không hợp và bất đồng trong làm ăn kinh tế dẫn đến thường xuyên cãi vã, xô xát. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 11/2015 đến nay và không quan tâm gì đến nhau. Anh K xin ly hôn, chị L cũng xác định vợ chồng không còn tình cảm và đồng ý ly hôn. Xét thấy, tình trạng hôn nhân của anh K và chị L là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải chấp nhận xử cho anh K được ly hôn chị L là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Anh K và chị L có 01 con chung là Chu Anh Kiệt, sinh ngày 03/6/2013. Ly hôn, anh K và chị L đều nhất trí để chị L trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chị L không yêu cầu anh K phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó cần xử giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Chu Anh Kiệt, chị L không yêu cầu anh K đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Anh K và chị L đều thống nhất trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ chung và cho vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Anh K phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 271, Điều 273 và Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Chu Anh K được ly hôn chị Đỗ Thị L.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho chị Đỗ Thị L trực tiếp nuôi dưỡng con chung Chu Anh Kiệt, sinh ngày 03/6/2013. Chị Đỗ Thị L không yêu cầu anh Chu Anh K phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Chu Anh K có quyền thăm nom con chung; anh Chu Anh K và chị Đỗ Thị L có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung khi cần thiết.

3. Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Anh Chu Anh K phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng anh Chu Anh K đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0008904 ngày 15 tháng 12 năm 2018 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình sang thi hành án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, bị đơn có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 04/6/2019. Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;

- Các đương sự;

- Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc (Nơi ĐKKH);

- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thái Hà

